

Số: 149/TTTr-UBND

Sông Công, ngày 04 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công (lần 15)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố: số 104/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; số 10/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 52/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 55/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 5); số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 6); số 21/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 7); số 41/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 8); số 18/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công

trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 9); số 34/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 10); số 63/NQ-HĐND ngày 06/11/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 11); số 63/NQ-HĐND ngày 06/11/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 11); số 05/NQ-HĐND ngày 20/3/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 12); số 05/NQ-HĐND ngày 20/3/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 12); số 10/NQ-HĐND ngày 28/3/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 13); số 15/NQ-HĐND ngày 20/5/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 14);

UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố khoá VIII, kỳ họp thứ 29 (Kỳ họp chuyên đề) về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công như sau:

I. Điều chỉnh nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 ngân sách thành phố Sông Công từ 2.492.746 triệu đồng xuống 2.445.587 triệu đồng, giảm 47.159 triệu đồng, trong đó:

- Giảm nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 từ 1.570.681 triệu đồng xuống 1.569.194 triệu đồng, giảm 1.486 triệu đồng.

- Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn vượt thu, kết dư ngân sách hàng năm... chi cho đầu tư từ 614.808 triệu đồng lên 616.581 triệu đồng, tăng 1.773 triệu đồng

- Giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn bổ sung mục tiêu của ngân sách tỉnh từ 307.257 triệu đồng xuống 259.811 triệu đồng, giảm 47.446 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục I đính kèm)

II. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách thành phố Sông Công

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công đã phân bổ với số tiền là 89.611 triệu đồng

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với các dự án đã hoàn thành không còn nhu cầu vốn, cụ thể:

- + Dự án Hạ tầng KDC đường Vũ Xuân, phường Châu Sơn: 604 triệu đồng.
- + Hạ tầng Khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ: 3.623 triệu đồng.
- + Hạ tầng khu dân cư phường Bách Quang: 5.959 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với dự án Đường Trần Phú (đoạn từ đường CMT 8 đi đường Trần Hưng Đạo) dừng triển khai: 31.788 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với các dự án bố trí tái định cư cho Khu công nghiệp Sông Công II, giai đoạn 2: 47.159 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với các dự án không còn nhu cầu vốn: 478 triệu đồng.

2. Bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án với số tiền là 42.452 triệu đồng, cụ thể:

- Bổ sung kế hoạch vốn hỗ trợ cơ sở hạ tầng nông thôn các xã, phường: 653 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Đường nội thị thị xã Sông Công đoạn từ đường CMT8 đến ĐT 262 hoàn trả tạm ứng kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng: 510 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Hạ tầng khu dân cư xã Bá Xuyên để hoàn thành, quyết toán dự án: 1.011 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc: 5.706 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1): 20.000 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2): 13.255 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã triển khai: 1.317 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục II đính kèm)

Trên đây là điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công (lần 15)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
 - Thường trực HĐND thành phố;
 - Lãnh đạo UBND thành phố;
 - Các đại biểu HĐND thành phố;
 - Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
 - Lưu: VP, TCKH.
- Tramnn.BC.....b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Duy Nghĩa

**Phụ lục I: ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Tờ trình số: 149 /TTr-UBND ngày 04 / 6 /2025 của UBND thành phố Sông Công)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
	TỔNG CỘNG	2.598.306	1.773	48.932	2.551.147	
I	Nguồn vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho cấp huyện	105.560			105.560	
II	Nguồn vốn ngân sách thành phố	2.492.746	1.773	48.932	2.445.587	0
1	Nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất	1.570.681	0	1.486	1.569.194	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025</i>	<i>1.538.133</i>		<i>1.486</i>	<i>1.536.647</i>	
-	<i>Chuyển nguồn tiền sử dụng đất năm 2020 sang năm 2021</i>	<i>32.548</i>			<i>32.548</i>	
2	Nguồn XDCB khác ngân sách thành phố	922.065	1.773	47.446	876.392	
-	<i>Nguồn vốn từ chuyển nguồn, vượt thu, kết dư ngân sách</i>	<i>614.808</i>	<i>1.773</i>		<i>616.581</i>	
-	<i>Nguồn bổ sung, hỗ trợ NS tỉnh</i>	<i>307.257</i>		<i>47.446</i>	<i>259.811</i>	

Phụ lục II: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Nguồn vốn ngân sách thành phố Sông Công)
(Kèm theo tờ trình số: 144/TT-UBND ngày 07/01/2025 của UBND thành phố Sông Công)

TT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán		Lấy kế đã bố trí đến hết 31/12/2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025														Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Nhu cầu vốn còn lại	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng số			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2024 đã giải ngân				Năm 2025										Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm				
								Tổng cộng	Trong đó:				Tổng	KIV đã phân bổ				KIV dự kiến phân bổ									
				Năm 2021	Năm 2022				Năm 2023	Năm 2024	Tiền sử dụng đất	KIV kéo dài năm 2024 chuyển sang		Ngân sách lĩnh bổ sung mục tiêu	Tăng thu, tiết kiệm chi	Kế dự ngân sách đã phân bổ	Tiền sử dụng đất chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, không có nhiệm vụ chi										
	TỔNG CỘNG					4.921.609	349.586	2.492.746	2.445.587	1.216.790	193.833	430.340	403.191	189.425	1.228.797	488.556	19.384	122.498	40.124	175.146	343.262	39.827	41.452	89.611	2.445.587	0	
I	Trả nợ ngân sách tỉnh					-	11.499	12.009	10.891	-	10.891	-	-	1.118	1.118	-	-	-	-	-	-	-	510	-	12.009	0	
1	Đường nội thị thị xã Sông Công đoạn từ đường CMT8 đến DT 262	Trung tâm Phát triển quỹ đất	2010-2016				11.499	12.009	10.891		10.891			1.118	1.118								510		12.009	0	
II	Bổ sung vốn điều lệ quỹ hỗ trợ Hội nông dân thành phố Sông Công	Hội nông dân thành phố Sông Công	2021-2025				900	900	900		300	300	300	-											900	0	
III	Nguồn vốn ngân sách thành phố đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia		2022-2025				7.452	7.452	4.957		627	815	3.515	2.495	2.495										7.452	0	
IV	Dự kiến bổ trợ hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn các xã phường		2021-2025				82.868	83.521	61.516	17.272	20.077	10.917	13.251	22.005	8.687					13.318			683		83.521	0	
V	Nhiệm vụ quy hoạch					61.896	1.535	47.155	47.154	37.490	6.260	13.652	8.002	9.576	9.664	6.147	0	0	0	0	3.517	0	0	0	47.155	0	
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2019 - 2022	770-10/5/2019	3.612	735	2.405	2.405	2.405			1.413	973	18	-										2.405	0	
3	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Thống Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2019 - 2021	2276- 20/11/2019	360	339	339	339	339	250	59	30		-											339	0	
4	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2019 - 2021	2275-20/11/2019	450	428	428	428	428	250	138	40		-											428	0	
5	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Cải Đan, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2019 - 2021	1984- 04/10/2019	384	369	369	369	369	325	33	11		-											369	0	
6	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2020 - 2022	211-18/2/2020	371	282	282	282	282	250		32		-											282	0	
7	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2020 - 2022	210-18/2/2020	2.101	1.843	1.843	1.843	1.843	800	906		137	-											1.843	0	
8	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2020 - 2022	330-10/3/2020	280	265	265	265	265	100	140	25		-											265	0	
9	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2020 - 2022	212-18/2/2020	4.887	800	3.611	3.611	3.611	1.350		1.394	868	-											3.611	0	
10	Quy hoạch phân khu Khu vực đô thị Bả Xuyên, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2021 - 2023	2139-14/9/2021	1.919	1.731	1.731	1.731	1.731	100	880		751	-											1.731	0	
11	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị sinh thái hồ tạo Hồ Ghềnh Chè	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2201 - 06/9/2022	6.415	3.450	3.450	3.450	3.450		3.400		50	-											3.450	0	
12	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 5 phường Bách Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	3645 - 21/12/2021	1.094	641	641	641	641		318	323		-											641	0	
13	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Quốc lộ 37, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	153 - 14/01/2022	701	541	541	380	380		172	190	18	161	161										541	0	
14	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở số 4, phường Phố Cò, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	1353 - 26/5/2022	1.064	474	474	292	292		263	29	182	182											474	0	
15	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 6 phường Bách Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	04 - 01/01/2022	695	679	679	579	579		171	353	55	100						100					679	0	
16	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 5 Tân Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	1340 - 25/5/2022	1.299	742	742	742	742		302	207	233	-											742	0	
17	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 3 phường Cải Đan, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	1337 - 25/5/2022	1.285	521	521	521	521		329	192		-											521	0	

TT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định phê duyệt đầu tư/quỹ đầu tư		Lấy số đã bố trí đến hết 31/12/2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025														Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Nhu cầu vốn còn lại	Ghi chú			
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng số			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2024 đã giải ngân												Năm 2025									
								Tổng cộng	Trong đó:				Tổng	KHH đã phân bổ				KHH dự kiến phân bổ		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm								
									Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Tiền sử dụng đất	KHH'kéo dài năm 2024 chuyển sang	Ngân sách tính bổ sung mục tiêu	Tăng thu, tiết kiệm chi	Kết dư ngân sách đã phân bổ	Tiền sử dụng đất chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, không có nhiệm vụ chi										
18	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 4 Bà Xuyên, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	1338 - 25/5/2022	1.195	1.025	1.025	1.025	295	483	247	-													1.025	0			
19	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 3 Bà Xuyên, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	1341 - 25/5/2022	1.160	567	567	567	292	251	25	-														567	0		
20	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 6 Tân Quang, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	1339 - 25/5/2022	1.592	819	819	819	412	407		-														819	0		
21	Quy hoạch chi tiết Khu dân cư số 8 phường Bách Quang	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	2846 - 23/11/2022	513	100	100	100	100			-														100	0		
22	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 3 phường Phố Cũ, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	526 - 28/02/2022	1.520	883	883	883	367	516		-														883	0		
23	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 2 Lương Sơn, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2024	3361 - 06/12/2021	1.240	938	938	760	253		508	178					178									938	0		
24	Quy hoạch chi tiết khu nhà ở xã hội phường Bách Quang, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2793 - 11/11/2022	594	509	509	509	94	365	50	-														509	0		
25	Quy hoạch chi tiết khu nhà ở hỗn hợp phường Bách Quang, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2794 - 11/11/2022	598	125	125	125	125	0		-														125	0		
26	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Nghĩa trang Cải Đan - Phần mở rộng, phường Cải Đan, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	1349 - 26/5/2022	766	673	673	673		350	205	118	-													673	0		
27	Quy hoạch chi tiết Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng, xã Tân Quang và xã Bà Xuyên, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2366 - 30/9/2022; 1764 - 25/9/2023	686	579	579	261	261		0	318	318													579	0		
28	Quy hoạch chi tiết Nghĩa trang xã Bà Xuyên, xã Tân Quang, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	3059 - 14/12/2022	1.390	1.218	1.218	900		346	554	318	214				104									1.218	0		
29	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu Nghĩa trang Cải Đan, phường Cải Đan, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2746 - 08/11/2022	739	661	661	520	148		372	141					141									661	0		
30	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị số 1, phường Bách Quang, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2024-2026	465 - 22/3/2024	1.223	1.070	1.070	-				1.070	1.070													1.070	0		
31	Quy hoạch chi tiết Khu dân cư số 1, phường Bách Quang, thành phố Sóc Trăng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021 - 2022	2320 - 31/12/2020	587	541	541	541	541			-														541	0		
32	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 1 Lương Sơn, thành phố Sóc Trăng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022 - 2023	2487 - 06/10/2021	1.284	1.284	1.284	200		200		1.084	1.084													1.284	0		
33	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Sóc Trăng, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2021-2022	18 - 07/01/2021; 207 - 04/02/2021	3.221	3.104	3.104	3.104	2.960	144		-														3.104	0		
34	Quy hoạch khu dân cư chôn cất	Ban chỉ huy quân sự	13/7/1905	2599- 14/10/2021	293	200	200	200	200			-														200	0		
35	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	2020-2022	1911-13/11/2020	348	209	209	209	198	10		-														209	0		
36	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, cấp huyện thành phố Sóc Trăng	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2020	3344 - 17/10/2019; 619- 10/3/2020; 3520- 06/11/2020	1.083	1.057	1.057	1.057	1.057			-															1.057	0	
37	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Sóc Trăng	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2022	2367-30/9/2022	1.600	1.518	1.518	1.500		1.500		18	18														1.518	0	
38	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 5, phường Châu Sơn, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2023-2024	2178-23/11/2023	1.998	1.998	1.997	386		386	1.611	1.611														1.998	0		
39	Quy hoạch chi tiết Mô rộng khu tái định cư Khu công nghiệp Sóc Công 2 xã Tân Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	1591-23/8/2023	1.313	1.312	1.312	1.112		130	982	200					200									1.312	0		
40	Quy hoạch chi tiết Khu tái định cư Khu công nghiệp Sóc Công 2 xã Bà Xuyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	1592-23/8/2023	1.954	1.954	1.264			1.264	690						690									1.954	0		
41	Quy hoạch chi tiết khu dân cư và khu tái định cư số 5 Bà Xuyên, thành phố Sóc Trăng	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2023-2025	1714-14/9/2023	574	487	487	381		381	106						106									487	0		
42	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Sóc Trăng đến năm 2040	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2023-2025	1347-12/7/2023	3.561	3.561	3.561	2.147		2.147	1.413	1.161					253									3.561	0		

TT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định phê duyệt đầu tư/quỹ đầu tư		Lấy số đã bố trí đến hết 31/12/2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025												Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Nhu cầu vốn còn lại	Ghi chú						
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng số			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2024 đã giải ngân				Tổng	Năm 2025						Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm										
								Tổng	Trong đó:				Tổng	KHV đã phân bổ			KHV dự kiến phân bổ													
									Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023			Năm 2024	Tiền sử dụng hết	KHV kéo dài năm 2024 chuyển sang	Ngân sách sinh bổ sung mục tiêu	Tăng thu, tiết kiệm chi			Tiền sử dụng hết chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai - không có nhiệm vụ chi				Khai dự ngân sách đã phân bổ	Tăng thu từ sử dụng đất				
Tăng thu, thuế, phí	Tăng thu từ sử dụng đất	Khai dự ngân sách đã phân bổ	Tăng thu từ sử dụng đất	Tăng thu thuế, phí	Tăng thu từ sử dụng đất																									
82	Cải tạo, nâng cấp trường TH Phố Cò; Hàng mục: phòng hành chính quận trị và phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	2988/09/11/2021	10.495	10.106	10.106	10.106	8.000	2.106	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.106	0				
83	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lương Sơn; Hàng mục: phòng hành chính quận trị và phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	3532/15/12/2021	10.183	9.249	9.249	9.249	5.996	3.253	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.249	0			
84	Trường tiểu học Bình Sơn 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	451/17/02/2022	12.374	5.000	5.000	5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	0			
85	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Bình Sơn; HM Nhà lớp học	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	535/QĐ-UBND/30/5/2021	14.100	12.875	12.875	12.875	6.212	6.271	391	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.875	0		
86	Trường mầm non Lương Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	1997/01/9/2021	30.839	30.892	30.892	30.892	14.925	14.000	1.967	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.892	0		
87	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lương Châu; HM Nhà hiệu bộ, phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	770/4/5/2021; 1193/10/5/2022	15.736	15.476	15.476	15.476	5.463	9.996	17	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.476	0		
88	Trường mầm non Bách Quang; Hàng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	NQ 14 - 15/4/2022; 1/204/14/6/2023	6.501	6.501	6.501	6.501	-	5.000	1.501	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.501	0		
89	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non số 2; Hàng mục: Phòng chức năng và phòng hành chính quận trị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	3098/19/11/2021	11.345	11.346	11.346	11.346	-	9.000	744	1.602	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.346	0		
*	Văn hóa, thông tin				18.447	0	16.604	16.604	16.604	2.153	12.628	1.824	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16.604	0		
90	Trung tâm văn hóa phường Mộ Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3924-31/12/2021	7.989	7.443	7.443	7.443	5.990	1.453	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.443	0		
91	Nhà văn hóa đa năng phường Bách Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	1058-07/6/2021	7.500	6.372	6.372	6.372	2.153	4.142	78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.372	0		
92	Cải tạo các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa Thể thao thành phố Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3099-19/11/2021	2.958	2.789	2.789	2.789	2.496	293	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.789	0		
*	Giao thông đường bộ				18.642	0	11.171	11.171	11.171	5.670	2.245	2.189	1.067	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.171	0		
93	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục phường Lương Sơn đoạn từ Quốc lộ 3 đi TDP Ngân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	2091/09/9/2021; 2494/7/10/2021	4.803	3.886	3.886	3.886	3.600	245	41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.886	0		
94	Nâng cấp, cải tạo đường DH06 đoạn từ xã Bình Sơn đi xã Thịnh Đức	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	456/23/3/2021	4.975	1.870	1.870	1.870	1.870	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.870	0		
95	Cải tạo, mở rộng tuyến phố Nguyễn Khuyến	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	3592-19/12/2021; 607/31/3/2023	8.863	5.415	5.415	5.415	200	2.000	2.148	1.067	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.415	0		
*	Công trình công cộng tại các đô thị				2.135	0	2.048	2.048	2.048	994	1.053	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.048	0		
96	Đường điện chiếu sáng các tuyến đường chính phía Tây phường Châu Sơn	UBND phường Châu Sơn	2021-2023	254-21/9/2021	1.000	994	994	994	994	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	994	0		
97	Cải tạo khu công viên công cộng phường Bách Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3402/08/12/2021	726	695	695	695	695	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	695	0		
98	Cải tạo khu công viên công cộng phường Mộ Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3403/08/12/2021	408	358	358	358	358	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	358	0		
*	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				7.972	0	6.256	6.256	6.256	2.800	2.540	882	33	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6.256	0	
99	Hàng lang KDC tổ dân phố 2B, phường Phố Cò	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	631-12/4/2021	4.972	4.040	4.040	4.040	2.800	1.240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.040	0		
100	Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lôi) - (nằm trong QH khu trung tâm hành chính Sông Công); Hàng mục: Khu A	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	930-08/4/2022	3.000	2.216	2.216	2.216	1.300	882	33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.216	0		
	Lĩnh vực quốc phòng				16.500	0	16.294	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16.294	0		
101	Khu căn cứ chiến đấu quốc phòng	Ban chỉ huy quân sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	16.294	4.886	8.114	3.294	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.294	0		
*	Công trình công cộng tại các đô thị				15.739	0	14.025	14.025	14.025	0	0	5.000	9.025	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14.025	0	
102	Trung tâm các tuyến đường đi Trung tâm hành chính thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2023-2024	NQ 26-12/10/2023; 2068-08/11/2023	5.516	4.774	4.774	4.774	2.500	2.274	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.774	0		
103	Lắp đặt trạm trị đô thị trên các tuyến đường Thăng Lôi, Quốc lộ 3, Cách mạng tháng 10 thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2023-2024	NQ 27-12/10/2023; 2052-06/11/2023	10.213	9.251	9.251	9.251	2.500	6.751	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.251	0		
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				25.500	0	23.339	23.339	23.339	6.000	11.488	4.928	923	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	23.339	0	

Số: /NQ-HĐND

Sông Công, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công (lần 15)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
KHOÁ VIII, KỶ HỌP THỨ 29 (KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố: Số 104/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; số 10/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 52/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 55/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 5); số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 6); số 21/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 7); số 41/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 8); số 18/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 9); số 34/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 10); số 63/NQ-HĐND ngày 06/11/2024 về điều chỉnh kế

hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 11); số 05/NQ-HĐND ngày 20/3/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 12); số 10/NQ-HĐND ngày 28/3/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 13); số 15/NQ-HĐND ngày 20/5/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 14)

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2025 của UBND thành phố về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công (lần 15); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công (lần 15), cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc phân bổ: Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

II. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

1. Điều chỉnh nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 ngân sách thành phố Sông Công từ 2.492.746 triệu đồng xuống 2.445.587 triệu đồng, giảm 47.159 triệu đồng, trong đó:

- Giảm nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 từ 1.570.681 triệu đồng xuống 1.569.194 triệu đồng, giảm 1.486 triệu đồng.

- Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn vượt thu, kết dư ngân sách hàng năm... chi cho đầu tư từ 614.808 triệu đồng lên 616.581 triệu đồng, tăng 1.773 triệu đồng

- Giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn bổ sung mục tiêu của ngân sách tỉnh từ 307.257 triệu đồng xuống 259.811 triệu đồng, giảm 47.446 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố Sông Công

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn với số tiền là 89.611 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án với số tiền là 42.452 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sông Công khoá VIII, Kỳ họp thứ 29 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.
THVP.Luyenlt.

CHỦ TỊCH**Phạm Thị Mai Khanh**